

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

*Trần Quang Tiệp**

Phương pháp là hệ thống các nguyên tắc mà chủ thể phải thực hiện nhất quán trong hoạt động nhận thức, thực tiễn nhằm đạt được mục đích đã đề ra. Bản chất của phương pháp là sự phản ánh các quy luật khách quan của hiện thực, của đối tượng nghiên cứu. Sự đa dạng của đối tượng nghiên cứu dẫn đến sự đa dạng của phương pháp, nhưng phương pháp chung nhất phải được quán triệt là phương pháp biện chứng Mác xít. Đó là cái tinh túy nhất thấm sâu trong toàn bộ học thuyết của Mác, Ăngghen, Lênin¹.

Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử mà bộ phận cấu thành của nó là thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ là một dạng của hoạt động nhận thức, cho nên phải khẳng định rằng, phương pháp biện chứng Mác xít là phương pháp chung, còn những phương pháp khác được sử dụng với tính chất là những phương pháp riêng, đặc thù của việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Trên cơ sở thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử và lý luận Luật Tố tụng hình sự, có thể thấy trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, thường sử dụng các phương pháp sau đây:

Một là, phương pháp quan sát

Quan sát là một quá trình tri giác, xem xét và ghi nhận một cách đầy đủ, chính xác nhằm mục đích xác định những đặc điểm của sự vật, hiện tượng. Sự tác động của đối tượng bị quan sát lên các giác quan của chủ thể đem lại những thông tin về nó. Các thông tin mà con người thu nhận được trong cuộc sống nói chung và trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nói riêng, phần lớn đều dựa trên quan sát.

Quan sát trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, ngoài những đặc điểm chung của quan sát nói chung, còn có những đặc điểm riêng được thể hiện ở chủ thể, hình thức quan sát, đối tượng bị quan sát.

Chủ thể quan sát trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ có thể là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, người làm chứng, người bị hại, giám định viên... Từ góc độ này, cần phân biệt quan sát trực tiếp và quan sát gián tiếp.

Hoạt động quan sát do chủ thể của quá trình chứng minh tiến hành là quan sát trực tiếp, tức là giữa chủ thể và đối tượng quan sát không có khâu trung gian. Ví dụ: khi khám nghiệm hiện trường, Điều tra viên nghiên cứu, quan sát hiện trường trực tiếp để có thể kết luận là sự kiện, tình tiết phải chứng minh có xảy ra hay không?

Chủ thể quan sát cũng có thể là người làm chứng, người bị hại, bị can, bị cáo... Trong những trường hợp này, những người tiến hành tố tụng nhận thức về đối tượng bị quan sát thông qua lời khai của những người tham gia tố tụng và đây được gọi là quan sát gián tiếp.

Nếu như những thông tin mà chủ thể quan sát thu thập được trong quan sát trực tiếp không đòi hỏi phải kiểm tra lại, thì những thông tin thu thập được trong quan sát gián tiếp, phải được tổ chức kiểm tra để xác định mức độ chính xác của chúng. Từ đó, có thể rút ra kết luận về tính ưu việt của quan sát trực tiếp so với quan sát gián tiếp.

Những người tiến hành tố tụng là chủ thể của hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, không thể trực tiếp quan sát những sự kiện, tình tiết phải chứng minh, nhưng phạm vi quan sát gián tiếp rộng hơn rất nhiều so với quan sát trực tiếp và bao gồm tất cả các sự kiện, tình tiết có liên quan đến vụ án. Vì vậy, phải kết hợp cả hai hình thức quan sát

* TS Luật học, Tổng cục An ninh, Bộ Công an
1 Xem: Nguyễn Đức Bình: *Một số vấn đề về công tác lý luận tư tưởng và văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 198.

này trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ.

Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cho thấy, đối tượng quan sát trong trường hợp quan sát trực tiếp bao gồm:

Thứ nhất, hiện trường xảy ra vụ án (nơi còn lưu giữ dấu vết, vật chứng của tội phạm hoặc nghi liên quan đến tội phạm).

Những người tiến hành tố tụng phải quan sát một cách bao quát toàn bộ hiện trường và quan sát tỉ mỉ từng chi tiết. Trong quá trình quan sát bao quát, họ có thể dùng mắt thường hoặc sử dụng các phương tiện kỹ thuật để có thể phát hiện ra vật chứng, nắm được hiện trường nói chung và từng khu vực nói riêng để chuyển sang quan sát tỉ mỉ. Trong quá trình quan sát tỉ mỉ, những người tiến hành tố tụng sử dụng các phương tiện kỹ thuật nhằm phát hiện, thu giữ, bảo quản vật chứng ở hiện trường.

Thứ hai, hiện trường tiến hành các hoạt động điều tra cụ thể.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành các hoạt động điều tra như bắt, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đối chất, thực nghiệm điều tra, nhận dạng... Trong những trường hợp này, những người tiến hành tố tụng phải quan sát trực tiếp hiện trường tiến hành các hoạt động điều tra cụ thể đó. Ví dụ: khi tổ chức thực nghiệm điều tra về khả năng quan sát, thụ cảm của người làm chứng, phải quan sát hiện trường nơi tiến hành thực nghiệm đó.

Thứ ba, những tài liệu, đồ vật cụ thể có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự.

Trong quá trình điều tra, những người tiến hành tố tụng phải quan sát, kiểm tra những tài liệu, đồ vật thu thập được xem chúng có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự hay không. Điều này hết sức quan trọng, bởi lẽ không phải tất cả tài liệu, đồ vật thu thập được đều có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự.

Thứ tư, diễn biến thái độ, hành vi của những người có liên quan đến vụ án hình sự.

Diễn biến thái độ, hành vi của những người có liên quan đến vụ án hình sự cũng là đối tượng bị quan sát, bởi lẽ thông tin về thái độ, hành vi của những người này có thể giúp

cho những người tiến hành tố tụng chủ động định ra kế hoạch điều tra cho phù hợp.

Nếu như quan sát thông thường chỉ dừng lại ở những gì giác quan thụ cảm được, thì quan sát những đối tượng nói trên đòi hỏi phải có hoạt động tư duy tích cực của những người tiến hành tố tụng để làm sáng tỏ những vấn đề phải chứng minh, cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án.

Hai là, phương pháp thực nghiệm

Thực nghiệm là phương pháp nghiên cứu khoa học có sử dụng các phương tiện làm biến đổi trạng thái tự nhiên của đối tượng được nghiên cứu hoặc tái tạo nó trong những điều kiện nhân tạo, với mục đích thu nhận những thông tin có giá trị về đối tượng được nghiên cứu. Từ khái niệm này, có thể rút ra hai đặc điểm chủ yếu của phương pháp thực nghiệm: 1) là một quá trình quan sát được tạo ra và được điều khiển một cách có chủ định; 2) người nghiên cứu phải tham gia tích cực vào quá trình này.

Phương pháp thực nghiệm khác phương pháp quan sát ở những điểm sau đây:

Thứ nhất, có thể làm thay đổi những điều kiện tồn tại tự nhiên của đối tượng được nghiên cứu, buộc nó phải phản ứng với những điều kiện do người nghiên cứu xác định trước, trong khi đối với phương pháp quan sát, chủ thể quan sát không can thiệp, tác động vào trạng thái tự nhiên của đối tượng được nghiên cứu.

Thứ hai, có khả năng lặp lại nhiều lần sự vật, hiện tượng được nghiên cứu trong những điều kiện nhất định, trong khi phương pháp quan sát chỉ cho phép nghiên cứu một lần.

Thứ ba, có thể nghiên cứu các sự vật, hiện tượng ở dạng tách rời với các sự vật, hiện tượng khác, trong khi phương pháp quan sát chỉ cho phép nghiên cứu sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ tất yếu với các sự vật, hiện tượng khác.

Thứ tư, có thể tách ra khỏi sự vật, hiện tượng một số mặt hoặc một số dấu hiệu cần nghiên cứu, trong khi phương pháp quan sát không cho phép làm như vậy.

Thứ năm, có thể bác bỏ hay khẳng định

một giả thuyết do người nghiên cứu đưa ra, trong khi phương pháp quan sát khó thực hiện khả năng này.

Trong quá trình phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, các cơ quan tiến hành tố tụng phải sử dụng phương pháp thực nghiệm để xác định mức độ chính xác của chứng cứ hoặc để kiểm chứng giả thuyết do cơ quan tiến hành tố tụng đưa ra về một sự vật, hiện tượng có xảy ra hay không và nếu có xảy ra, thì xảy ra như thế nào.

Hình thức chủ yếu khi áp dụng phương pháp thực nghiệm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử là tiến hành thực nghiệm điều tra. Có nhiều cách phân loại các thực nghiệm điều tra dựa trên cơ sở những tiêu chí nhất định. Ví dụ: trên cơ sở tiêu chí mục đích thực nghiệm điều tra, có thể phân loại các thực nghiệm điều tra thành các loại sau đây:

- Thực nghiệm điều tra để xác định khả năng tri giác một sự kiện, tình tiết phải chứng minh;
- Thực nghiệm điều tra để xác định khả năng thực hiện hành vi;
- Thực nghiệm điều tra để xác định khả năng xảy ra của một sự kiện, tình tiết phải chứng minh;
- Thực nghiệm điều tra để xác định những chi tiết cụ thể của cơ chế hình thành một sự kiện, hiện tượng;
- Thực nghiệm điều tra để xác định quá trình hình thành dấu vết hình sự thu được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử².

Ba là, phương pháp so sánh, đối chiếu

So sánh, đối chiếu là phương pháp thường được áp dụng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Bản chất của phương pháp này là nghiên cứu, đánh giá vào cùng một thời điểm những thuộc tính, dấu hiệu của hai hay nhiều đối tượng được nghiên cứu. Phương pháp so sánh, đối chiếu thường sử dụng các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch, khái quát hóa, trừu tượng hóa.

Việc áp dụng phương pháp so sánh, đối chiếu trong quá trình thu thập, kiểm tra, đánh

giá chứng cứ đòi hỏi phải tuân thủ những điều kiện nhất định và đây được coi là một trong những đặc điểm đặc trưng của phương pháp này.

Điều kiện thứ nhất: đối tượng được nghiên cứu, so sánh, đối chiếu phải có mối liên hệ với đối tượng chứng minh của vụ án hình sự, bởi lẽ nếu so sánh, đối chiếu những đối tượng không có liên quan gì đến vụ án hình sự, thì đó là việc làm vô ích, không đóng góp gì trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Điều kiện thứ hai: chỉ so sánh, đối chiếu các thuộc tính và các dấu hiệu nào có ý nghĩa trong việc rút ra những kết luận về bản chất của vụ án.

Điều kiện thứ ba: kết quả của việc so sánh, đối chiếu phải là căn cứ để những người tiến hành tố tụng ra những quyết định cần thiết. Ví dụ: Cơ quan điều tra ra quyết định lấy lời khai lại của người làm chứng, bởi vì qua nghiên cứu kết quả so sánh, đối chiếu lời khai của người này với lời khai của những người làm chứng khác cho thấy, giữa chúng có nhiều mâu thuẫn.

Phương pháp so sánh, đối chiếu có ý nghĩa đặc biệt trong truy nguyên hình sự và có hai quan điểm khác nhau về vấn đề này.

Quan điểm thứ nhất của các nhà luật học người Nga như X.M. Pôtapôv, M. IA. Xêgai đồng nhất truy nguyên với so sánh, đối chiếu, không thừa nhận các phương pháp khác được áp dụng trong truy nguyên hình sự³.

Quan điểm thứ hai của nhà luật học người Nga R.X. Benkin cho rằng, phương pháp so sánh, đối chiếu mặc dù có vai trò rất lớn, nhưng không phải là phương pháp duy nhất được áp dụng trong truy nguyên hình sự⁴.

Chúng tôi đồng tình với quan điểm thứ hai, bởi lẽ thực tiễn truy nguyên hình sự cho thấy, ngoài phương pháp so sánh, những người tiến hành tố tụng còn áp dụng các phương pháp khác như quan sát, thực nghiệm⁵.

³ Xem: *Sdd*, tr. 200.

⁴ Xem: *Sdd*, tr. 201.

⁵ Xem: PGS.TS Nguyễn Thủ Thanh (Chủ biên): *Giáo trình Điều tra hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999, tr. 46.

² Xem: R.X. Benkin: *Thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ*, Nxb Khoa học, Mátxcova, 1966, tr. 240 (tiếng Nga).

Ngoài truy nguyên hình sự, phương pháp đối chiếu, so sánh còn được áp dụng phổ biến trong khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, nhận dạng, đối chất...

Thứ tư, phương pháp đo lường, miêu tả

Trong quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, trong nhiều trường hợp, những người tiến hành tố tụng phải xác định những đặc điểm về lượng của một sự vật, hiện tượng, ví dụ khi khám nghiệm hiện trường phải xác định kích thước của các vật chứng được phát hiện, khoảng cách giữa chúng, nhiệt độ của tử thi...

Việc áp dụng phương pháp đo lường đòi hỏi phải xác định được đối tượng đo lường, đơn vị đo lường. Hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ cho thấy, những đối tượng đo lường thông thường bao gồm: những thuộc tính, yếu tố của vật chứng cần được biểu hiện bằng con số đại lượng như trọng lượng, nhiệt độ; khoảng cách giữa các đồ vật, giữa các điểm cần nghiên cứu; tốc độ chuyển động của con người, động vật, phương tiện giao thông...

(Tiếp theo trang 53 – So sánh hệ thống...)

Những nghiên cứu trên đây cho thấy, hệ thống hình phạt theo Luật Hình sự Việt Nam và hệ thống hình phạt theo Luật Hình sự Thụy Điển bên cạnh những điểm tương đồng (đều thể hiện chính sách hình sự "kết hợp giáo dục, thuyết phục với cưỡng chế, trấn áp"; đều có chung một số loại hình phạt nhất định...) còn có những điểm khác biệt, đó là: 1) Luật Hình sự Thụy Điển không phân hệ thống hình phạt thành hình phạt chính và hình phạt bổ sung; 2) Trong Luật Hình sự Thụy Điển có nhiều hình phạt mà Luật Hình sự Việt Nam không có hoặc không được qui định là hình phạt, đó là: giáo dục tập trung người chưa thành niên phạm tội, án treo và giam giữ trong điều kiện đặc biệt; 3) Mức tối thiểu và mức tối đa của hình phạt tù có thời hạn cũng như hình thức và các biện pháp nhằm bảo đảm khả năng thực thi của hình phạt tiền cũng có nhiều điểm khác nhau...

Xuất phát từ quan điểm đúng đắn của Đảng "cải cách tư pháp phải... tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng được xu thế

Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, việc đo lường thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi lẽ đối với bất cứ vụ án hình sự nào, đều phải xác định được thời điểm xảy ra sự kiện phạm tội, trình tự, khoảng thời gian thực hiện hành vi phạm tội của những người tham gia.

Ngoài phương pháp đo lường, trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, còn áp dụng phương pháp miêu tả, tức là chỉ ra những dấu hiệu của đối tượng miêu tả. Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, phương pháp miêu tả được sử dụng rất phổ biến. Đối với việc khám nghiệm hiện trường, phương pháp này được sử dụng để vẽ sơ đồ chung toàn bộ hiện trường, sơ đồ khu vực, sơ đồ chi tiết. Sơ đồ chung, sơ đồ khu vực phải thể hiện chiều hướng, vị trí, trạng thái và mối tương quan giữa các dấu vết, giữa dấu vết với các đồ vật ở hiện trường; sơ đồ chi tiết phải thể hiện hình thể, đặc điểm và kích thước của dấu vết.

phát triển của xã hội trong tương lai"⁶, để nâng cao hiệu quả thi hành án và mở rộng tính nhân đạo của nền tư pháp, chúng tôi kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần sửa đổi, bổ sung một số vấn đề liên quan đến hệ thống hình phạt như: bỏ hình phạt cảnh cáo và tử hình trong hệ thống hình phạt; giảm mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn xuống dưới 3 tháng; bổ sung vào Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn có thể áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội; qui định rõ giải pháp nhằm bảo đảm khả năng thực thi của hình phạt tiền bằng việc chuyển đổi loại hình phạt này thành hình phạt tù có thời hạn trong trường hợp người phạm tội không nộp tiền phạt...

Những kiến nghị như đã nêu trên nếu được thực hiện một cách triệt để với bước đi phù hợp thì chắc chắn nền tư pháp Việt Nam sẽ thực sự trở thành nền tư pháp của dân, do dân và vì dân.

⁶ Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-06-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020